Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 29.11.2019 08:07:25 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1820 /QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 11 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Điệp, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Điệp, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tại Báo cáo kết quả thẩm định số 4991/KQTĐ-ĐTM ngày 31/10/2019;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Điệp, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 56/Cty-HH ngày 05/11/2019 của Công ty TNHH Hiệp Hưng và đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 5359/TTr-STNMT ngày 20/11/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Điệp, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi *(sau đây gọi là Dự án)* của Công ty TNHH Hiệp Hưng *(sau đây gọi là Chủ dự án)* thực hiện tại xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành

kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án chịu trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Công an tỉnh, UBND huyện Mộ Đức theo chức năng nhiệm vụ thực hiện kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mộ Đức; Chủ tịch UBND xã Đức Nhuận; Chủ tịch UBND xã Đức Hiệp; Giám đốc Công ty TNHH Hiệp Hưng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP (NN), HCC, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (hc170).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Tăng Bính

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN "Đầu tư khai thác mỏ đất Núi Điệp, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi"

(Kèm theo Quyết định số 1820/QĐ-UBND ngày 28/11/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Chủ dự án: Công ty TNHH Hiệp Hưng.

1.2. Địa điểm, quy mô của Dự án:

a) Địa điểm: Xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

b) Diện tích và qui mô Dự án:

- Diện tích khu vực Dự án: 3ha;
- Trữ lượng đưa vào thiết kế: 116.474m^3;
- Công suất mỏ: 42.000m^3 đất san lấp/năm;
- Thời gian hạn khai thác: 03 năm.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	NGUỒN GÂY Ô NHIỄM
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Phát quang; thi công tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ, lán trại, điểm rửa xe, công tác mở vỉa	- Chất thải rắn phát quang; - CTR xây dựng; - Bụi phát sinh trong quá trình đào đất mở vỉa; - Đất bóc tầng phủ khu vực mở vỉa.
1.2	Hoạt động của phương tiện vận chuyển và phương tiện thi công	- Bụi; Khí thải: CO, SO_2, NO_2; - Chất thải nguy hại; - Tiếng ồn, rung động; - Tăng mật độ giao thông tại khu vực.
1.3	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt; - CTR sinh hoạt: bao bì, thực phẩm, đồ hộp…; - Ảnh hưởng an ninh trật tự khu vực.
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Bóc tầng đất phủ	- Bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung; - Chất thải rắn.
2.2	Hoạt động của phương tiện vận chuyển và khai thác	- Bụi; Khí thải: CO, SO_2, NO_2; - Chất thải nguy hại; - Tiếng ồn, rung động;

TT	CÁC HOẠT ĐỘNG	NGUỒN GÂY Ô NHIỄM
		- Tăng mật độ giao thông tại khu vực.
2.3	Sinh hoạt của công nhân	- Nước thải sinh hoạt; - CTR sinh hoạt: bao bì, thực phẩm, đồ hộp…; - Ảnh hưởng an ninh trật tự khu vực.
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Xúc và vận chuyển đất; san gạt moong đã khai thác; tháo dỡ các công trình phụ trợ; trồng cây xanh xung quanh khu vực khai thác	- Bụi, khí thải,tiếng ồn; - Chất thải rắn.
3.2	Hoạt động của công nhân	Nước thải, chất thải rắn sinh hoạt.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Nước thải sinh hoạt	10 công nhân với lưu lượng khoảng 0,6 m^3/ngày
1.2	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt thi công Dự án
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Nước thải sinh hoạt	08 công nhân với lưu lượng khoảng 0,8 m^3/ngày
2.2	Nước mưa chảy tràn	Các tạp chất cuốn theo trên bề mặt khu vực Dự án
2.3	Nước rửa xe	Bố trí 02 điểm rửa xe với tổng khối lượng khoảng 6 m^3/ngày
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Nước thải sinh hoạt	08 công nhân với lưu lượng khoảng 0,8 m^3/ngày

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Bụi và khí thải từ hoạt động phát quang cây cối, đào bốc và di dời mồ mã	Bụi, khí thải và tiếng ồn
1.2	Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động thi công đường vận chuyển ngoài mỏ, công tác mở vỉa	Bụi, khí thải
1.3	Bụi và khí thải phát sinh do hoạt động của các thiết bị máy móc và phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công	Bụi, khí thải và tiếng ồn
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Bụi phát sinh do hoạt động xúc đất	Tiếng ồn, bụi phát sinh từ quá trình xúc đất, khí thải từ móc móc thiết bị.
2.2	Bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển	Bụi, SO_2, NO_2, CO,VOC
2.3	Khí thải từ phương tiện và máy móc phục vụ khai thác	Bụi, SO_2, NO_2, CO,VOC

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Bụi và khí thải từ việc trồng cây, máy móc, phương tiện vận chuyển	Bụi, SO_2, NO_2, CO,VOC

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	10 công nhân phát sinh khoảng 3kg/ngày
1.2	- Chất thải rắn xây dựng - Đất bóc mở vỉa khai thác	- Bao bì đựng vật liệu xây dựng, tôn, gỗ dư thừa khoảng 10kg/ngày; - Khối lượng đất bóc hữu cơ khu vực mở vỉa là 241,2 m^3.
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Với số công nhân là 08 người/ngày thì tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khoảng 04 kg/ngày
2.2	Chất thải rắn phát sinh trong quá trình khai thác	- Đất bóc tầng phủ trong toàn bộ thời gian khai thác là 5.758,8 m^3 - Khối lượng bùn lắng từ điểm rửa xe phát sinh khoảng 10 m^3/năm; - Chất thải rắn như rễ cây còn sót lại trong quá trình san gạt ước tính khoảng 30 tấn.
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi***	
3.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Số lượng công nhân 08 người, lượng chất thải rắn phát sinh 04 kg/ngày
3.2	Chất thải rắn phá dỡ lán trại	Khối lượng khoảng 05 tấn

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

TT	NGUỒN PHÁT SINH	QUY MÔ, TÍNH CHẤT
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Chất thải nguy hại bao gồm dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu	Phát sinh khoảng 10kg *(trong thời gian thi công)*
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Chất thải nguy hại tại khu vực khai thác gồm giẻ lau dính dầu từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị; can chứa dầu	Khoảng 150 kg/năm
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Hoạt động sửa chữa bảo trì máy móc	Thời gian phục hồi ngắn nên lượng phát sinh không đáng kể

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***		

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ	NGUỒN TIẾP NHẬN
1.1	Nước thải sinh hoạt	Lắp đặt nhà vệ sinh tạm cho công nhân. Sau khi hoàn thành sẽ tháo dỡ và san lấp trả lại mặt bằng hiện trạng	Tự thấm xuống đất
1.2	Nước mưa chảy tràn	Không tiến hành thi công khi có mưa lớn, thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông rãnh thoát nước	Thoát theo địa hình tự nhiên
2	***Giai đoạn khai thác***		
2.1	Nước thải sinh hoạt	Lắp đặt nhà vệ sinh tạm cho công nhân. Sau khi hoàn thành sẽ tháo dỡ và san lấp trả lại mặt bằng hiện trạng	Tự thấm xuống đất
2.2	Nước mưa chảy tràn	Không tiến hành thi công khi có mưa lớn; Nước mưa tại khu vực khai thác sẽ chảy tràn theo địa hình tự nhiên; Đánh rãnh thoát nước mưa; Thường xuyên kiểm tra, nạo vét và khơi thông rãnh thoát nước	Thoát theo địa hình tự nhiên
2.3	Nước rửa xe	Nước rửa xe tại 02 điểm với tổng lưu lượng khoảng 06m^3/ngđ. Sau đó được thu gom vào mỗi bể lắng với kích thước 2x1,5x1m	Tự thấm xuống đất
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***		
3.1	Nước thải sinh hoạt	Lắp đặt nhà vệ sinh tạm cho công nhân. Khi công trình hoàn thành sẽ tháo dỡ và san lấp trả lại mặt bằng hiện trạng Dự án	Tự thấm xuống đất

3.2. Về xử lý bụi, khí thải

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Ô nhiễm không khí trong giai đoạn xây dựng cơ bản chủ yếu phát sinh từ hoạt động vận chuyển, mở vỉa, xây dựng các công trình	Phân bố xe vận chuyển ra vào khu vực thi công hợp lý; Thường xuyên phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển; Sử dụng phương tiện vận chuyển phù hợp, phủ bạt che kín các thùng xe vận chuyển
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Tuyến đường vận chuyển	Phân luồng xe vận chuyển ra vào khai trường; Xe vận chuyển sản phẩm phải được che bạt kín; Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn tuyến đường vận chuyển; Thường xuyên phun nước giảm bụi trên đường vận chuyển
2.2	Tại khu vực khai thác	Khai thác theo hình thức cuốn chiếu; Bố trí 02 điểm rửa xe *(điểm thứ nhất: tại vị trí giao nhau giữa đường đất vào Dự án và Quốc lộ 1A, cách Quốc lộ 1A khoảng 30m về phía Tây; điểm thứ 2: tại vị trí giao nhau giữa tuyến đường Cầu Sét - Cống Đôi*

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
		và Dự án cần san lấp Tuyến đường Quốc lộ 1A – Đá Bạc)
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Bụi và khí thải từ quá trình san gạt	Nguồn phát sinh bụi không lớn và trong thời gian ngắn. Do đó Chủ dự án sẽ giám sát chặt chẽ quá trình cải tạo, phục hồi môi trường đảm bảo hạn chế tối đa ảnh hưởng bụi phát tán ra môi trường xung quanh

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
1.2	Chất thải rắn xây dựng	Chất thải rắn phát quang được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom rác vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
2.2	Chất thải rắn phát sinh trong quá trình khai thác	Chất thải rắn phát quang được thu gom và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Chất thải rắn sinh hoạt	Thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	***Giai đoạn xây dựng cơ bản***	
1.1	Chất thải nguy hại gồm dầu mỡ thải và giẻ lau dính dầu	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
2	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	Chất thải nguy hại tại khu vực khai thác gồm giẻ lau dính dầu từ quá trình sửa chữa máy móc, thiết bị, can chứa dầu…	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom, đặt tại kho lưu giữ tạm thời. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý
3	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
3.1	Hoạt động sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị	Bố trí các thùng chuyên dụng để thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	***Giai đoạn khai thác***	
1.1	Tiếng ồn, độ rung	Phương tiện sử dụng không chở vượt quá tải trọng cho phép, tắt máy khi không cần thiết; Thực hiện bảo dưỡng thiết bị, máy móc thi công thường xuyên trong suốt thời gian khai thác;…
2	***Giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường***	
2.2	Tiếng ồn	Số lượng thiết bị ít, thời gian ngắn, phạm vi chủ yếu khu vực Dự án nên tác động này ít ảnh hưởng đến môi trường xung quanh

3.6. Nội dung cải tạo, phục hồi môi trường

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường: San gạt mặt bằng khu vực moong khai thác, khu vực phụ trợ, đường nội bộ; tiến hành trồng cây xanh trên toàn bộ diện tích khai thác; tạo rãnh thoát nước mưa; lắp đặt biển báo và đo vẽ địa hình sau khi kết thúc khai thác, cụ thể như sau:

TT	Nội dung, phương án, công việc cải tạo PHMT	Đơn vị tính	Khối lượng	Kế hoạch thực hiện	Kinh phí
1	*Xúc, vận chuyển, san gạt khu vực khai thác và trồng cây xanh*	--	--	Vừa khai thác, vừa phục hồi, thời gian kết thúc thúc khai thác 12/2022	***164.762.934***
	Công tác xúc, vận chuyển đất	m^3	3.494		45.591.899
	Công tác san gạt đất	m^3	8.082		38.242.039
	Công tác trồng cây xanh	m^2	26.940		80.928.996
2	*Tháo dỡ điểm rửa xe*	--	--		***11.212.969***
	Tháo dỡ san gạt bể lắng	ca	1		1.318.691
	Tháo dỡ tấm thép	Tấn	5,652		9.803.278
3	*Tháo dỡ lán trại, nhà vệ sinh*	--	--		***2.454.122***
	Tháo dỡ lán trại	m^2	105		2.395.790
	Tháo dỡ bệ xí	cái	1		27.083
	Tháo dỡ chậu tiểu	cái	1		31.249
4	*Chi phí phục hồi tuyến đường vận chuyển*	m^3	120		***7.222.829***
5	*Tạo rãnh thoát nước*	m^3	100		***1.521.534***
6	*Lắp đặt biển báo*	cái	20		***6.889.860***
7	*Chi phí đo vẽ địa hình khi kết thúc khai thác*	ha	4		***4.615.924***
I. Chi phí xây dựng cải tạo, phục hồi môi trường (C_{CT})					198.589.172
II. Chi phí quản lý (bao gồm chi phí dự phòng) (C_{ql}=3,453%×C_{CT})					6.857.284
III. Chi phí dự phòng và trượt giá G_{dp} = 6% x (C_{CT} + C_{ql})					12.326.787
IV. Thu nhập chịu thuế tính trước 10%×(C_{CT} + C_{ql})					20.544.646
Tổng chi phí cải tạo, phục hồi môi trường (I+II+III+IV)					**238.317.889**

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường: 238.317.889 đồng *(Bằng chữ: Hai trăm ba mươi tám triệu, ba trăm mười bảy ngàn, tám trăm tám mươi chín*

đồng chẵn).

- Thời gian ký quỹ: Sau khi Quyết định này có hiệu lực và trước khi trình UBND tỉnh cấp phép khai thác.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi *(Địa chỉ: số 155 đường Lê Thánh Tôn, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Điện thoại: 0556.512003; 0556.512002).*

- Số tiền trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2019.

3.7. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

TT	NGUỒN PHÁT SINH	CÔNG TRÌNH/BIỆN PHÁP XỬ LÝ
1	***Giai đoạn khai thác***	
2.1	An toàn giao thông	Đặt biển báo tại nút giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển với Quốc lộ 1A; không chở quá tải trọng quy định; bố trí người hướng dẫn xe vận chuyển ra vào khu vực khai thác
2.2	Tai nạn lao động	Huấn luyện và trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như: khẩu trang, kính bảo hộ, nút bịt tai chống ồn...
2.3	Sự cố sụt lún, sạt lở moong khai thác	Khai thác đúng thiết kế đã được phê duyệt; không khai thác vào những ngày mưa; khai thác đúng trữ lượng và độ sâu đã được phê duyệt *(cos +23,0 m đến +52,5 m)*; cải tạo bờ moong với góc nghiêng sườn tầng 45° theo đúng thiết kế
2.4	Sự cố đá lăn	Thường xuyên quan sát sườn tầng để phát hiện các vết nứt, khe nứt lớn, đá tảng,.. để có biện pháp phòng ngừa đá lăn; Trong trường hợp khai thác gặp đá cuội, đá tảng, Chủ dự án bố trí công nhân dọn dẹp các khối đá trên bề mặt moong cũng như các khối đất treo trên vách bờ mỏ để tránh nguy cơ rơi xuống khai trường gây nguy hiểm cho người và thiết bị
2.5	Sự cố cháy nổ	Xây dựng và ban hành các nội quy trong quá trình khai thác; trang bị các phương tiện chữa cháy; tuyên truyền, tập huấn phòng chống cháy nổ;…

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Hệ thống rửa xe: Lắp đặt 02 điểm rửa xe với tổng lưu lượng khoảng 06 *m^3/ngày.đêm (kích thước 01 bể DxRxC: 2x1,5x1 = 3 m^3/ngày.đêm)* để thu gom, lắng cặn nước trước khi thải ra môi trường.

5. Chương trình quản lý, giám sát môi trường

TT	MÔI TRƯỜNG GIÁM SÁT	VỊ TRÍ	THÔNG SỐ/ TẦN SUẤT GIÁM SÁT	QUY CHUẨN SO SÁNH
1	***Giai đoạn hoạt động***			
1.1	Không khí	01 điểm tại khu vực khai thác; 01 điểm tại nút giao nhau giữa tuyến đường vận chuyển với quốc lộ 1A	Độ ồn, bụi tổng (TSP), CO, NO_2, SO_2. Tần suất: 06 tháng/lần	QCVN05:2013/BTNMT QCVN26:2010/BTNMT
1.2	Giám sát sạt lở	--	Quan sát sạt lở khu vực khai thác. Tần suất: 01 lần/ tháng	--
1.3	Giám sát quá trình hoàn thổ, phục hồi môi trường	Mức độ tuân thủ các biện pháp cải tạo như việc san gạt, phá dỡ đường vận chuyển, trồng cây xanh...	01 lần/năm và tổng giám sát vào năm cuối cùng *(khi thực hiện các biện pháp đóng cửa mỏ)*	--

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường.

6.1. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án:

a) Khai thác đúng vị trí, phương án và công suất theo Thiết kế cơ sở đã được phê duyệt;

b) Trong quá trình xây dựng và hoạt động Dự án phải thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, đảm bảo không gây ảnh hưởng đến khu vực xung quanh và tuân thủ các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, độ rung, môi trường không khí: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh – QCVN 05:2013/BTNMT;

c) Thu gom, xử lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh từ các giai đoạn của Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật hiện hành về quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại và các quy định hiện hành khác;

d) Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn trước và trong quá trình khai thác. Trường hợp xảy ra sự cố môi trường làm ảnh hưởng đến các công trình và môi trường xung quanh, Chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố theo đúng quy định của pháp luật;

e) Lập kế hoạch phòng chống và ứng cứu sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án và trình cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, kiểm tra;

f) Đảm bảo an toàn lao động và phòng chống cháy, nổ trong giai đoạn hoạt động theo đúng các quy định của pháp luật;

g) Đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường hàng năm theo như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Số liệu quan trắc, giám sát phải được cập nhập, lưu giữ và phải có báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để theo dõi, giám sát;

h) Làm việc với chính quyền địa phương để phối hợp với các đơn vị đang hoạt động khai thác khoáng sản trong khu vực thực hiện việc duy tu, bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển trong quá trình khai thác;

i) Khi kết thúc khai thác, Chủ dự án phải thực hiện ngay các biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường theo như Phương án được duyệt và phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp các rủi ro, sự cố môi trường xảy ra do quá trình hoạt động khai thác của Dự án.

6.2. Chủ dự án có các trách nhiệm:

a) Lập và niêm yết công khai kế hoạch quản lý môi trường tại khu vực triển khai thực hiện Dự án để Nhân dân biết và theo dõi đúng quy định pháp luật;

b) Thiết lập hệ thống cảnh báo nguy hiểm, cảnh báo giao thông trong khu vực khai thác; thực hiện các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tới các hoạt động giao thông của khu vực cũng như đời sống, sinh kế của dân cư xung quanh;

c) Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện kế hoạch quản lý môi trường và việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan đến Dự án khi được yêu cầu;

d) Trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng, phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu, khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh và các cơ quan liên quan nơi thực hiện Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý;

e) Thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải, lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường theo quy định trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức;

f) Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo đúng quy định tại khoản 2, Điều 54a Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ;

g) Báo cáo công tác thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường cho UBND tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 01 hàng năm;

h) Sau khi kết thúc khai thác phải tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường như Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và tiến hành đóng cửa mỏ theo quy định./.